TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ T** TỈNH ANGIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 31 – 5 – 2018

"V/v ly hôn giữa anh Th và chị Y"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tác

2. Ông Huỳnh Văn Sức

- ***Thư ký phiên tòa***: Đỗ Thị Ngọc Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T*** *tham gia phiên tòa:*

Ông Lê Hữu Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu Th - Sinh năm 1979 (có mặt)

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Y - Sinh năm 1989 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 8, ấp Mỹ L, thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Hữu Th trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Sau khi tìm hiểu về tình cảm, năm 2007 anh với chị Lê Thị Y đồng ý tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 242 ngày 23/10/2008. Vợ chồng sống bình thường, đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ ngoại tình và kinh tế gia đình khó khăn, Y tự bỏ nhà đi, từ đó đến nay vợ chồng ly thân. Nay anh không còn tình cảm, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn

với chị Lê Thị Y.

Bị đơn là chị Lê Thị Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng chị không đến tham gia tố tụng, không gửi ý kiến bằng văn bản, nên không có lời khai.

- Về nuôi con chung: Anh Th khai vợ chồng có 01 con tên Nguyễn Ngọc Minh Ch, sinh ngày 12/8/2008 đang sống với chị Y, anh đồng ý giao con cho chị Y tiếp tục nuôi.

- Về chia tài sản và nợ chung: Anh Th Khai không có

Theo anh Th trình bày mâu thuẫn vợ chồng có anh chị ruột của chị Y tên Lê Văn Ph, Lê Thị D và anh Bùi Công H (Trưởng ấp Thượng 1, thị trấn Phú Mỹ) biết, đề nghị Tòa án xác minh.

Tòa án thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của anh Th và chị Y, được anh Lê Văn Ph và chị Lê Thị D cho biết vợ chồng anh Th, chị Y cưới nhau năm 2007 và có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống không có hạnh phúc, thường xuyên cự cãi do khó khăn về kinh tế, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng ly thân nhiều lần nhưng anh em có hàn gắn cho sống chung trở lại, nhưng sau đó vẫn không hạnh phúc và chính thức ly thân lần cuối cùng vào khoảng năm 2013 đến nay. Hiện nay Y đi làm thuê ở tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng Th, Y có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Minh Ch, hiện nay Y trực tiếp nuôi. Nay anh Ph, chị D thấy rằng hôn nhân của anh Th và chị Y không thể hàn gắn, đề nghị Tòa án cho ly hôn.

Anh Bùi Công H cho biết, từ năm 2007 đến nay anh làm Trưởng ấp thượng 1, thị trấn phú Mỹ, anh ở gần nhà của Th và Y, việc vợ chồng mâu thuẫn anh không biết, năm 2013 Thế gửi tờ tường trình đến ban ấp trình báo Y bỏ nhà đi, anh nghe dư luận Y đi theo người tình cũ, vợ chồng Th có 01 đứa con gái tên Nguyễn Ngọc Minh Ch, Sau khi bỏ đi vài tháng Y trở về, anh có hỏi về chung sống với Th hay thế nào, Y trả lời về để làm đơn ly hôn với Th, anh có khuyên vợ chồng có con nên trở lại sống chung, Y nói ly hôn chứ không trở lại, ngày hôm sau Th cho anh biết Y đã bắt con đi, từ năm 2013 đến nay Y bắt con đi không trở về.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đối với chị Lê Thị Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy chị Y chấp hành nghĩa vụ tố tụng dân sự chưa nghiêm. Về nội dung vụ án, hôn nhân giữa anh Th và chị Y là hợp pháp vì có đăng ký kết hôn, vợ chồng có thời gian dài ly thân, anh Th xin ly hôn, về con chung chị Y đang nuôi, anh Th đồng ý giao chị Y tiếp tục nuôi con, yêu cầu của anh Th phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Hữu Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị Y, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Lê Thị Y (là bị đơn) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở nhại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Lê Thị Y.

[2] Hôn nhân của anh Th và chị Y là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng,vợ chồng có thời gian dài ly thân từ năm 2013 đến nay, anh chị ruột của chị Y và anh H (Trưởng ấp) cũng nhận thấy hôn nhân của anh chị không thể hàn gắn trở lại sống chung. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình yêu cầu của anh Th và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ly hôn giữa anh Th và chị Y.

[3] Về nuôi con chung: Anh Th đồng ý giao cháu Nguyễn Ngọc Minh Ch cho chị Y được tiếp tục nuôi, chị Y không có ý kiến, những người làm chứng đều cho biết cháu Ch đang sống với chị Y, cháu Ch chưa có lời khai nguyện vọng sống với anh Th hay chị Y. Hội đồng xét xử nhận thấy có chứng cứ hiện nay chị Y đang nuôi cháu Ch có cuộc sống ổn định, nên nguyện vọng cháu Ch sống với cha hay mẹ cũng không cần thiết, do đó giao cháu Ch cho chị Y tiếp tục nuôi, chị Y không có lời khai yêu cầu cấp dưỡng cho con, nên anh Th không phải cấp dưỡng cho con.

[4] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng cho con.

[5] Về chia tài sản: Không có, Tòa án không đề cập.

[6] Về nợ chung: Ghi nhận anh Th xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[7] Về án phí sơ thẩm, căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án anh Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Hữu Th và chị Lê Thị Y.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Minh Ch, sinh ngày 12/8/2008 cho chị Lê Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay chị Y đang nuôi. Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Anh Nguyễn Hữu Th không trực tiếp nuôi con, anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Không có.

Về nợ chung: Ghi nhận anh Th xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Hữu Th phải chịu 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền số 0016602 ngày 05/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú T.

Anh Nguyễn Hữu Th có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Lê Thị Y vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hồ Thị Kim Phương